TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 23-01-2025
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Vững;

2. Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2024/TLST-DS ngày 15/10/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1982, cư trú: 3/7, ấp A, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Thu T, sinh năm: 1977, cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Ông Nguyễn Thanh V và bà Võ Thị Thu T là bạn bè. Ngày 06/3/2022, ông V và bà T có thoả thuận ông V cho bà T vay số tiền 60.000.000 đồng. Hai bên có lập văn bản có tiêu đề "Hợp đồng vay tiền", thời hạn vay là 06 tháng, tính từ ngày 06/3/2022 đến ngày 06/9/2022, lãi suất thoả thuận là 3%/tháng. Bà T trả lãi vào ngày 06 dương lịch của tháng, nhưng bà T chưa trả nợ lãi và nợ gốc cho ông V. Mục đích cho vay là để bà T kinh doanh mở quán bán món ăn.

Số tiền cho vay là tài sản riêng của ông V. Việc vay tiền là giữa ông V và bà T, ông V không yêu cầu chồng bà T liên đới trả tiền vay.

Tại đơn khởi kiện, phiên toà, ông Nguyễn Thanh V yêu cầu bà Võ Thị Thu T trả số tiền vay là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Võ Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Võ Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng. Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nên xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và bị đơn cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà Võ Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hiệu lực của hợp đồng vay tài sản: Văn bản có tiêu đề "Hợp đồng vay tiền" ngày 06/3/2022 được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[2.2] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 4 Điều 91 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và phải

chịu hậu quả của việc vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, ông V cung cấp được nội dung bản chính văn bản có tiêu đề "Hợp đồng vay tiền" xác định việc vay tiền của bà T đối với ông V. Nội dung văn bản thể hiện: *Ông Nguyễn Thanh V đồng ý cho bà Võ Thị Thu T vay và bà Võ Thị Thu T đồng ý vay của ông Nguyễn Thanh V số tiền là 60.000.000 đồng, viết bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng chẵn. Thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 06/3/2022 đến ngày 06/9/2022. Lãi suất 3%/tháng, mức lãi suất này do bà T tự nguyện đồng ý chịu trả cho ông V. Ông V đã giao cho bà T đủ số tiền và bà T đã nhận đủ khi hai bên thống nhất tất cả những nội dung và cùng ký tên vào hợp đồng này (hai bên nhất trí không lập biên bản giao nhận tiền).* Hội đồng xét xử xác định bà T có nợ ông V số tiền vay là 60.000.000 đồng. Hội đồng xét xử buộc bà Võ Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng

[3.6] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T chịu án phí là 3.000.000 đồng

Trả lại cho ông V số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0021143 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17/5/2024.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V với bà Võ Thị Thu T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Võ Thị Thu T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Thu T chịu án phí là 3.000.000 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Thanh V số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0021143 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17/5/2024.

3. Án sơ thẩm, đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân

4. Án sơ thẩm, đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hánh án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**